TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L **TỈNH VINH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/DS-ST
Ngày: 15- 3- 2023
Về việc: "*Đòi tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn C

2. Bà Nguyễn Thị Lan P

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy T - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 01 năm 2021 tranh chấp về việc "*Đòi tài sản*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2023/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: *Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1960; cư trú số 157/32/4, Đường 14/9, Phường 5, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. (có mặt)*

** Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1944; nơi thường trú số 39A, đường Phạm Thái B, Phường 4, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. (vắng mặt)*

2. Bị đơn: *Ông Nguyễn Văn C (tên khác Nguyễn Thành P); nơi thường trú số 21, khóm 2, ấp Mỹ T, xã Tân H, (nay là khóm Mỹ T, phường Tân H), thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. (vắng mặt)*

** Người giám hộ: Chị Nguyen Vo Thai Chung Kieu To T, sinh năm 1984; nơi thường trú số 21, khóm Mỹ T, phường Tân H, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. (có mặt)*

3. Người liên quan: *Bà Trương Ngọc P, sinh năm 1965; nơi thường trú số 157/32/4, Đường 14/9, Phường 5, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. (vắng mặt)*

**** Những người tham gia tố tụng khác:***

4. *Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Hoàng T - Luật sư của Đoàn luật sư tỉnh Vinh L. (có mặt)*

- Những người làm chứng:

5. *Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957; nơi thường trú số 22, Khóm 1, thị trấn Long H, huyện Long H, tỉnh Vinh L. (vắng mặt)*

6. *Ông Nguyễn Tấn Q, sinh năm 1953; nơi thường trú số 8, Đường 2/9, Phường 1, thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. (vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện 25/7/2020 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ông L trình bày: Vào ngày 14/4/1999, ông Nguyễn Văn C (tên gọi khác là Nguyễn Thành P), ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Tấn Q có mượn của vợ chồng ông L và bà P một lần 05 (Năm) lượng vàng 24 kara (loại 9999%), không lãi suất, thời hạn 01 tháng (từ ngày 14/4/1999 đến ngày 14/5/1999), ông C có viết và ký tên bí danh là Nguyễn Thành P trong biên nhận ngày 14/4/1999. Ngoài ra, trong biên nhận có ông Nguyễn Tấn Q, ông Nguyễn Văn T ký tên với tư cách là người chứng kiến. Nhưng thật tế, trong số 05 lượng vàng trên, phần ông C mượn là 03 (ba) lượng vàng 24 kara, phần ông Q mượn là 01 lượng vàng 24 kara và phần ông T mượn 01 lượng vàng 24 kara. Ông Q và ông T đã trả vàng xong, không còn nợ ông L và bà P, hiện tại theo biên nhận thì chỉ còn ông C (tức là ông P) còn nợ 03 lượng vàng cho đến nay. Hết thời hạn 01 năm, ngày 14/4/2000 ông L có đi gặp ông C (P) đòi lại vàng nhiều lần nhưng không có trả, biết ông C bị bệnh nên thông cảm không có đến đòi nợ nữa. Đến tháng 02 năm 2020, ông L cùng với ông luật sư Sang đến nhà gặp ông C để đòi lại vàng nhưng chỉ gặp bà L là vợ của ông C nên ra về, cho đến khi khởi kiện ra Tòa. Ông L yêu cầu ông C (tức là P) phải hoàn trả vốn vàng đã mượn 03 lượng vàng 24 kara (loại 9999%), không tính lãi suất. Theo thông báo bổ sung chứng cứ số: 125, ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L. Ông L không yêu cầu giám định chữ ký tên *"P"* và họ tên "*Nguyễn Thành P*", không yêu cầu giám định chữ viết của ông P (tức là ông C) trong biên nhận ngày 14/4/1999. Ông L chỉ thực hiện nghĩa vụ chứng minh ông Nguyễn Văn C có tên gọi khác là "*Nguyễn Thành P*".

- Bị đơn Nguyễn Văn C vắng mặt, người giám hộ cho ông C là chị Nguyen Vo Thai Chung Kieu To T trình bày: Ông Nguyễn Văn C là cha ruột của chị T, thời gian qua ông C bị bệnh không còn nhận thức, đã yêu cầu Tòa án tuyên bố ông C mất năng lực hành vi, kết quả Tòa án nhân dân thành phố Vinh L đã giải quyết xong bằng quyết định số: 63/2022/QĐST-DS, ngày 12/9/2022 "Tuyên bố ông C là người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi". Chị T xác định, ông L có đến nhà 03 lần để đòi nợ, cụ thể: Lần nhất, vào năm 2013 - 2014, ông L đến đòi nợ gặp ông C và bà L. Lần thứ hai, vào năm 2017 - 2018, Công an xã Tân H mời bà L đến trụ sở công an gặp ông L để giải quyết số vàng với ông L. Lần ba vào cuối năm 2019, ông L đi cùng với luật sư Sang đến nhà đòi nợ, gặp bà L và hai bên tranh cãi với nhau, cho đến khi gia đình

nhận được thông báo khởi kiện. Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông L, chị T không biết được việc mượn vàng giữa ông C và ông L thời điểm đó. Nhưng nay các tình tiết nội dung trong biên nhận có những điểm không trùng khớp nên chị T không đồng ý ông C trả nợ theo biên nhận ngày 14/4/1999. Bởi các lý do, không đúng chữ ký tên của ông C và ông C chỉ sử dụng họ và tên Nguyễn Văn C, không có sử dụng tên Nguyễn Thành P nên trong biên nhận nợ ghi tên "P" là không có cơ sở là nợ của ông C; địa chỉ nơi ông C sinh sống ghi trong biên nhận cũng không đúng. Chị T chỉ đồng ý ông C trả nợ theo biên nhận ngày 14/4/1999 khi có kết quả giám định chữ ký tên "*Nguyễn Thành P"* là đúng với chữ ký tên ông Nguyễn Văn C. Chị T yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký trong biên nhận để xác định chữ ký của ông Nguyễn Văn C. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày 29/11/2022 sẽ nộp đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký tên và các mẫu chữ ký tên để so sánh. Hết thời hạn này mà không thực hiện thì xem như từ bỏ yêu cầu. Ông L khởi kiện ông C là trên 10 năm là hết thời hạn mượn vàng là đã không còn thời hiệu khởi kiện.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Ngọc P trình bày: Vào ngày 14/4/1999, bà P và chồng là ông Nguyễn Công L cùng đưa vàng cho ông C (tên thường gọi là P) mượn 05 lượng vàng loại 24 kara (loại 9999%), không còn nhớ thời hạn, không có lãi suất. Ông P (tên thật là C) có viết biên nhận cho ông L, bà P không có ký tên gì trong biên nhận. Trong số 05 lượng vàng trên, phần ông C mượn là 03 (ba) lượng loại 24 kara, phần ông Q mượn là 01 lượng loại 24 kara và phần ông T mượn 01 lượng loại 24 kara. Ông Q và ông T đã trả cho vợ chồng bà P xong, hiện tại theo biên nhận thì chỉ còn ông C (tức là ông P) còn nợ 03 lượng vàng cho đến nay. Bà P thống nhất với việc khởi kiện của ông L, yêu cầu ông C (tức là P) phải trả cho vợ chồng bà P 03 lượng vàng 24 kara (loại 9999%), không tính lãi suất.

- Tại tờ trình ngày 15/5/2021, người làm chứng Nguyễn Tấn Q trình bày: Ông Q, ông T, ông L và ông C là bạn bè với nhau. Ngày 14/4/1999 ông L cho ông Q, ông T và ông C mượn 05 lượng vàng loại 9999 ghi chung một biên nhận. Ông Q và ông T mỗi người mượn 01 lượng vàng loại 9999, phần ông C (P) mượn 03 lượng vàng. Đúng một tháng sau, ông Q đã trả cho ông L 01 lượng vàng.

- Tại tờ trình ngày 15/5/2021, người làm chứng Nguyễn Văn T trình bày: Ông T, ông Q, ông L và ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Thành P) là bạn bè với nhau. Ngày 14/4/1999 ông L cho ông Q, ông T và ông C mượn 05 lượng vàng loại 9999 ghi chung một biên nhận. Ông Q và ông T mỗi người mượn 01 lượng vàng loại 9999, phần ông C (P) mượn 03 lượng vàng. Đúng một tháng sau, ông T đã trả cho ông L 01 lượng vàng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới. Ông L khai, mối quan hệ giữa ông P, ông T, ông Q và ông L quen biết thông qua giao dịch kinh doanh mua bán bánh mì và men với nhau. Ông L có lò bánh mì, ông P bán men nên được ông Q và ông T giới thiệu nên ông L là khách hàng của ông P trong thời gian 02 năm.

Ông Nguyễn Văn C có tên gọi khác là ông Nguyễn Thành P cùng với ông T và ông Q đến một lượt để mượn vàng, ông P ghi biên nhận mượn 05 cây vàng nhưng trong đó ông Q và ông T mỗi người mượn 01 cây vàng. Theo biên nhận thì ông P chịu trách nhiệm 05 cây vàng nhưng khi đưa đơn thì ông P chỉ chịu trách nhiệm 03 cây vàng. Thời điểm xác lập biên nhận ngày 14/4/1999, ông P đã biết ông T và ông Q nên ghi chung luôn 05 cây vàng. Trong đơn khởi kiện có ghi ông Nguyễn Văn C trú tại số 21, khóm 2, ấp Mỹ T, xã Tân H chính là ông Nguyễn Thành P, trong quá trình giải quyết vụ kiện có nộp đơn xác nhận nơi sinh sống của ông C có tên trong là ông P, được công an xác nhận ngày 16/8/2013 là "ông C có địa chỉ số 21, khóm 1, ấp Mỹ T, xã Tân H, thành phố Vinh L". Ông L xác định phía bị đơn có cung cấp những giấy tờ liên quan chữ viết, chữ ký tên của ông C trong quá trình hòa giải tại Tòa án nhưng ông L không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký của ông C. Tại phiên tòa hôm nay, ông L cũng không yêu cầu giám định. Chứng minh cho việc khởi kiện là biên nhận ngày 14/4/1999, đơn xin xác nhận 16/8/2013 được cơ quan công an xã Tân H ngày xưa xác nhận, lời xác nhận của ông T và ông Q. Trong biên nhận có ghi ngày 14/5/1999 phải trả lại vàng, ông L có đòi nhiều lần cho đến năm 2020 đi cùng ông S đến đòi nợ chỉ gặp vợ ông C. Việc ông P mượn vàng là đích thân ông P mượn, gia đình ông P không biết.

Ông P kêu ông L giúp cho mượn vàng trong vòng 01 tháng trả, mục đích để bổ hàng kinh doanh. Ông T và ông Q kinh doanh bánh mì cũng có mượn vàng nên ông P đứng ra đại diện mượn vàng chung. Ông Q và ông T đã trả vàng nên không chịu ra hầu Tòa mà chỉ xác nhận có chứng kiến vụ mượn vàng. Khi cho mượn vàng có mặt ông P, ông T và ông Q tại nhà ông L, ông L trực tiếp giao cho ông P một lần 05 cây vàng. Vì ông L không có trình độ nên giao cho ông P có trình độ văn hóa đại diện cho ông T và ông Q viết biên nhận, ông L không biết cả ba thế nào mà ghi ông T và ông Q ký tên là người chứng kiến. Ông P mượn vàng 24 kara loại 9999 vào ngày 14/4/1999, thời hạn 01 tháng, không có lãi suất. Từ ngày mượn cho đến nay, ông P không có trả vàng, hiện tại ông P còn nợ 03 cây vàng. Ông T và ông Q đã trả xong số vàng đã mượn.

Ông L khẳng định, trong biên nhận ngày 14/4/1999 có chữ ký "P" và chữ viết "*Nguyễn Thành P"* chính là ông C. Chứng minh ông C chính là ông P là một người trên cơ sở đơn xác nhận nơi cư trú được trung tá Huỳnh Văn Nóc xác nhận ngày 16/8/2013. Ông L xác định công an chỉ xác nhận ông C có địa chỉ số 21, khóm 1, ấp Mỹ T, xã Tân H, thành phố Vinh L; do đã lớn tuổi và không có thời gian nên không yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký để chứng minh ông C chính là ông P. Khi ông S còn sống, có ủy quyền cho ông S nhưng không biết ông S có thu thập được chứng cứ chứng minh ông C chính là ông P hay không. Ông L có nói với ông T và ông Q là trong giao dịch mua bán thì chỉ kêu là ông P. Ông Q với ông T cũng chỉ biết là ông P chứ không biết là ông C. Theo địa chỉ và số điện thoại mới tìm đến nhà số 21 thì mới biết được ông P là ông C, có làm đơn xin xác nhận nơi cư trú ông Nguyễn Văn C (ông Nguyễn Thành P) thì công an xác nhận ông C có địa chỉ số 21, khóm 1, xã Tân H chứ tên Phương là tên ngoài công an không biết được và không ai xác định được ông C là ông P.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông C vắng mặt, chị T giám hộ cho ông C không có xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới, thống nhất với lời trình bày của luật sư, chị T khai: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì phía bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do phía nguyên đơn không chứng minh được ông C chính là ông P; các tài liệu chứng cứ phía bị đơn cung cấp thì đủ chứng minh ông C không phải là ông P cũng như việc định dạng chữ viết, chữ ký. Trước đây, khi ông L chưa khởi kiện thì không biết ông L. Còn ông C có nghề nghiệp chính là giáo viên, đã nghỉ hưu và hiện tại bị bệnh tai biến từ năm 2010 cho đến nay. Ông C không có kinh doanh mua bán gì, chỉ có mẹ ruột chị T làm đại lý bánh kẹo Mai Trang và bán men tại nhà số 21. Thông thường khách hàng mối lái sẽ đến nhà trực tiếp lấy, còn ở xa thì khách ký gởi cho xe khách đến đại lý Mai Trang lấy. Những chỗ mua chả lụa mà lấy tiền liền thì ông C mới có đi. Ông C chỉ có tên Ca, không có tên gọi nào khác kể cả thời gian tham gia cách mạng. Các loại giấy tờ chị T xuất trình nộp cho Tòa án có chữ viết, chữ ký tên của ông C nhìn mắt thường thì biên nhận ngày 14/4/1999 là không phải chữ viết, chữ ký của ông C. Chị T chưa từng biết, chưa từng nghe ông C có tên Thành P. Chị T cũng không biết ông C và ông L là bạn bè với nhau, lần đầu tiên gặp ông L là tại Tòa án khi tham gia hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa. Biên nhận ngày 14/4/1999 không đúng tên, không đúng chữ ký của ông C.

Chị T xác định, ông L có đến nhà 03 lần để đòi nợ, lần nhất vào năm 2013 - 2014, ông L đến đòi nợ gặp ông C và bà L. Lần thứ hai, vào năm 2017 - 2018, Công an xã Tân H mời bà L đến trụ sở công an gặp ông L để giải quyết số vàng với ông L. Lần ba vào cuối năm 2019, ông L đi cùng với luật sư Sang đến nhà đòi nợ, gặp bà L và hai bên tranh cãi với nhau, cho đến khi gia đình nhận được thông báo khởi kiện.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà P đề nghị được vắng mặt và giữ nguyên lời khai tại biên bản hòa giải ngày 28/12/2022, không có xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Q và ông T vắng mặt. Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng phiên tòa sơ thẩm cho ông T nhận vào ngày 16/01/2023 và ngày 23/02/2023; cho ông Q nhận vào ngày 13/02/20213 và ngày 08/3/2023 nhưng ông T, ông Q vắng mặt không lý do.

*** Lời phát biểu quan điểm của luật sư Trần Hoàng T:** Việc khởi kiện của ông Nguyễn Văn L là không có căn cứ, bởi các lý do: Ông L khởi kiện ông Nguyễn Văn C yêu cầu ông C trả 03 lượng vàng 24 kara là dựa trên biên nhận ngày 14/4/1999 do ông Nguyễn Thành P viết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hình thức của biên nhận này, do ông P viết ghi là tôi tên Nguyễn Thành P cư ngụ tại số 21, khóm 2, ấp Mỹ T, xã Tân H, thị xã Vinh L. Nhưng trong hồ sơ khởi kiện, phía ông L cung cấp cho Tòa án thì thể hiện ông Nguyễn Văn C (Nguyễn Thành P) địa chỉ số 21, khóm 2, ấp Mỹ T, phường Tân H, thành phố Vinh L. Nghĩa là khác nhau về tên Tân Hòa và Tân H, hai xã này đã có từ trước năm 1999 mà cụ thể xã Tân H thành lập vào năm 1994. Trên cơ sở đó, việc địa chỉ ghi trong biên nhận xã Tân H thì sau này là phường Tân H; xã Tân H thì sau này phường Tân H. Địa chỉ trong biên nhận là đã có sự sai biệt khá lớn về địa

giới hành chính.

- Trong biên nhận 14/4/1999, ông P ghi nợ 05 lượng vàng. Tuy nhiên chính ông L xác định trong 05 lượng này thì ông P chỉ nợ 03 lượng, còn lại 01 lượng nợ của ông T, 01 lượng nợ của ông Q. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trong trường hợp ông P chính là ông C thì việc ông C nhận luôn cả số nợ vàng của ông T và ông Q trong khi lúc ký biên nhận có 03 người. Vậy về bản chất sự việc có mâu thuẫn trong đó. Tiếp đến ông L cho rằng biên nhận do ông P viết và ký tên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về chữ viết và chữ ký, trong suốt quá trình Tòa án hòa giải và tại phiên tòa hôm nay ông L khẳng định là không yêu cầu giám định chữ viết và chữ ký. Nhưng phía bên bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án, đã có nộp các giấy tờ có liên quan đến chữ viết và chữ ký của phía ông Nguyễn Văn C, cụ thể là tờ khai tham gia vào bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc và ông C ở thời điểm đó là giáo viên là có viết khai và ký tên ở phòng giáo dục và đào tạo, cũng như sổ liên lạc, phiếu liên lạc, các giấy tờ liên quan đến thuế quyền sử dụng đất là do ông Nguyễn Văn C có viết và ký tên. Ở đây mẫu chữ viết đầu tiên tên là Nguyễn Văn C thì nhìn vào chữ viết trong thời gian ông C làm giáo viên thể hiện trong các giấy tờ thì hoàn toàn khác với chữ viết Nguyễn Thành P trong biên nhận ngày 14/4/1999. Một người không thể viết hai chữ định dạng khác nhau mà với những sắc nét như vậy. Mặt dù ông L không đưa ra giám định nhưng có thể nhìn bằng mắt thường cũng có thể nhìn rõ vấn đề đó.

- Về chữ ký "P" trong biên nhận là được tạo bởi một người đã thường xuyên ký mà có độ sắc nét nhất định và ở góc độ bình thường thì rất khó ký tên này. Trong khi chữ ký của Nguyễn Văn C trong các giấy tờ của bị đơn thì đó cũng là chữ ký riêng biệt của người thường xuyên ký, định dạng hoàn toàn khác với chữ ký "P". Nhận xét về mắt thường thì đã có sự chênh lệch rất lớn về chữ viết và chữ ký. Ngoài ra, ông L là người có trách nhiệm chứng minh ông C chính là ông P. Nhưng trong quá trình cung cấp chứng cứ Tòa án đã có yêu cầu và trong giai đoạn hòa giải và cũng tại phiên tòa hôm nay, ông L không cung cấp được để chứng minh ông C chính là ông P. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đây là yếu tố không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

- Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những giấy tờ của nhân chứng có thể được xem là nhân chứng hay không. Ông L khai là ông T và ông Q hoàn toàn không biết ông C chính là ông P. Trong văn bản phía hai nhân chứng cung cấp thì địa chỉ vẫn ghi là Tân Hòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét là ông L, ông C từng ở xã Tân H từ trước tới giờ và các giấy tờ phía bị đơn cung cấp đều ở xã Tân H, sao có thể sai địa chỉ. Không biết tờ biên nhận ngày 14/4/1999 được xây dựng bởi từ ai nhưng đó không phải từ ông C. Tại phiên tòa hôm nay, chị T là người giám hộ cho ông C có ý kiến sẵn sàng hỗ trợ tài liệu, chứng cứ có chữ viết và chữ ký của ông C để ông L thực hiện giám định nhưng ông L không đồng ý và không có yêu cầu. Các tài liệu, chứng cứ phía ông L xuất trình chứng minh ông C chính là ông P thì phía chị T phản bác. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét việc khởi kiện của ông L là không có căn cứ chấp nhận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh L, phát biểu: Từ khi thụ lý

cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật qui định. Về nội dung, đề nghị áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 12, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, đòi ông Nguyễn Văn C phải trả lại 03 lượng vàng 24kara. Về án phí dân sự sơ thẩm, ông L thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ông L cho ông C mượn vàng có thời hạn, không có thỏa thuận về lãi suất. Hết thời hạn, ông L đòi ông C trả lại vàng, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Đòi tài sản*"**;** bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vinh L. Đây là vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguồn luật áp dụng, hai bên đương sự thỏa thuận cho mượn vàng vào năm 1999 nên được điều chỉnh theo Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, đến tại thời điểm khởi kiện năm 2020 thì Bộ luật Dân sự năm 2017 có hiệu lực pháp luật. Về nội dung và hình thức của quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên đều phù hợp nhau nên áp dụng Bộ luật Dân sự đang hiện hành để giải quyết là phù hợp Điều 688 Bộ luật Dân sự.

- Tòa án nhân dân thành phố Vinh L đã tống đạt văn bản tố tụng để triệu tập ông C tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, có lý do. Bà P đề nghị được vắng mặt phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà P theo luật định.

- Chị Nguyen Vo Thai Chung Kieu To T tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ cho ông Nguyễn Văn C, theo quyết định số: 63/2022/QĐST-DS, ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L đã có hiệu lực pháp luật, tuyên bố ông Nguyễn Văn C là người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi. Chị T tham gia tố tụng để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn Nguyễn Văn C là phù hợp với Điều 57 Bộ luật Dân sự.

- Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Tấn Q là người làm chứng cho phía ông L. Những người làm chứng đã có bản khai ngày 15/5/2021 được Văn phòng công chứng chứng thực lời khai, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Trong quá trình thụ lý vụ án, ông Nguyễn Ngọc S tham gia tố tụng với tư cách đại diện ủy quyền cho nguyên đơn trên cơ sở văn bản ủy quyền ngày 25/7/2020. Tại phiên tòa, ông L xác định ông S đã chết nên rút tư cách tham gia tố tụng đại diện ủy quyền của ông S. Hội đồng xét xử ghi nhận ông S chấm dứt tham gia tố tụng với tư cách đại diện ủy quyền cho ông L là phù hợp với Điều 138 và điểm d khoản 3 Điều 140 Bộ luật Dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện, theo biên nhận thì đôi bên thỏa thuận cho mượn vàng có thời hạn 01 tháng, từ ngày 14/4/1999 đến ngày 14/5/1999 là hết thời hạn. Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp đòi lại tài sản thuộc sở hữu của ông L, bà P đã cho mượn trong một thời gian mà không phải trả tiền. Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung: Ông L đòi ông C trả lại vàng đã cho mượn trên cơ sở biên nhận ngày 14/4/1999, tờ xác nhận nơi cư trú của bị đơn được Công an xác nhận ngày 16/8/2013 và lời khai của ông T, ông Q. Phía chị T không đồng ý ông C trả nợ theo biên nhận tên Nguyễn Thành P, vì khi ông C thực hiện các giấy tờ thủ tục hành chính thì chỉ sử dụng chữ ký và họ tên Nguyễn Văn C. Hội đồng xét xử xem xét nội dung biên nhận thì bút tích thể hiện chữ ký tên "P" và họ tên người mượn vàng là "Nguyễn Thành P". Tòa án đã thông báo cho ông L có nghĩa vụ chứng minh ông Nguyễn Thành P là tên gọi khác của ông Nguyễn Văn C nhưng cho đến tại phiên tòa sơ thẩm, ông L không chứng minh được. Đối với người làm chứng chỉ xác nhận phần ông P chỉ mượn 03 lượng vàng trong biên nhận tổng số 05 lượng, những người làm chứng cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Nguyễn Thành P chính là ông Nguyễn Văn C. Ngoài ra, ông L cũng xác định ở địa phương và những người kinh doanh không ai biết ông P chính là ông C. Ông L xác định không thực hiện giám định chữ viết nội dung biên nhận khi được chị T cung cấp các giấy tờ thủ tục hành chính của ông C khi được nghỉ hưu. Do đó, không đủ cơ sở vững chắc để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, đòi ông C phải trả lại 03 lượng vàng nên bác yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 496, Điều 499 Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 27 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có căn cứ chấp nhận. Do đó, ông L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Tuy nhiên, ông L thuộc đối tượng người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo thông báo số: 807/TB-TA, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L.

- Ông C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ Điều 688, Điều 57, Điều 138, Điều 140, Điều 155, Điều 499, Điều 496, Điều 499 Bộ luật Dân sự; Điều 26, 35, 39, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 và Điều 146, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử**:** Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Công L, đòi ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ trả 03 lượng (Ba lượng) vàng 24kara, loại 9999.

Ghi nhận ông L rút tư cách tham gia tố tụng đại diện ủy quyền cho nguyên đơn đối với ông Nguyễn Ngọc S.

II. Án phí sơ thẩm: Ông L được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo thông báo số: 807/TB-TA, ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh L, tỉnh Vinh L. Ông C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt ông L và chị T; vắng mặt bà P và ông C. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt được tính từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thu T

Nơi nhận:
- TA.Tỉnh;
- VKS cùng cấp;
- T.H.A cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.